

HỌC SINH LỚP: BỐN/....

HỌ TÊN:

ÔN TOÁN TUẦN 35 – Phiếu 1

Phần I: TRẮC NGHIỆM

Mỗi bài tập dưới đây có kèm theo câu trả lời A, B, C, D (là đáp số, kết quả tính). Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1/ Điền số hoặc tên đơn vị thích hợp vào chỗ chấm : 7 tấn 42kg = .. kg

A. 742 B. 7042 C. 7420 D. 7004

2/ Số thích hợp điền vào ô trống để: 2 yến 5 kg =kg

A. 20 B. 205 C. 250 D. 25

3/ Trong tổ em có 4 bạn trai và 5 bạn gái. Tỉ số của số bạn trai và số bạn cả tổ là:

A. $\frac{9}{5}$ B. $\frac{4}{5}$ C. $\frac{5}{4}$ D. $\frac{4}{9}$

4/ Số thích hợp điền vào ô trống để: 4 giờ 10 phút =phút

A. 250 B. 240 C. 415 D. 460

5/ Số thích hợp điền vào ô trống : 5km =m

A. 5000cm B. 5000m C. 50cm D. 500m

6/ Số thích hợp điền vào ô trống : $\frac{2}{3}$ ngày =giờ

A. 20 giờ B. 16 giờ C. 24 giờ D. 8 giờ

7/ Số trung bình cộng của 25, 50, 90 là :

A. 25 B. 30 C. 40 D. 55

Phần II: TỰ LUẬN

1/ Tính $\frac{5}{7} \times \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

2/ Tính giá trị biểu thức:

a) $10578 - 123 \times 40$

b) $9800 + 750 : 15$

.....
.....
.....

3/ Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 163m và chiều rộng kém chiều dài 25m. Tính diện tích thửa ruộng đó ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN:

PHẦN 1:

1/ B. 7042 kg

2/ D. 25

3/ D. $\frac{4}{9}$

4/ A. 250

5/ B. 5000m

6/ B. 16 giờ

7/ D. 55

PHẦN 2:

Bài 1:

$$\frac{5}{7} \times \frac{3}{4} = \frac{5 \times 3}{7 \times 4} = \frac{15}{28}$$

Bài 2: Tính giá trị biểu thức:

$$\begin{aligned} \text{a) } & 10578 - 123 \times 40 \\ &= 10578 - 4920 \\ &= \mathbf{5658} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 9800 + 750 : 15 \\ &= 9800 + 50 \\ &= \mathbf{9850} \end{aligned}$$

Bài 3:

Chiều dài thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$(163 + 25) : 2 = 94 \text{ (m)}$$

Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$94 - 25 = 69 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$94 \times 69 = 6486 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 6486 m²